

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2015/QĐ-UBND

*Điện Biên, ngày 26 tháng 11 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi  
nông hộ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2016-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 03 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn thực hiện Điểm a Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lò Văn Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND  
ngày 26/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi);

b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc;

c) Tổ chức được chỉ định đủ điều kiện đào tạo tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 2. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với lợn**

1. Loại tinh: Sử dụng tinh của các giống lợn ngoại có trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí về liều tinh cho các hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho lợn nái.

3. Định mức: 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.

4. Đơn giá liều tinh: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

**Điều 3.** Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với bò

1. Loại tinh: Sử dụng tinh của các giống bò ngoại có trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho bò cái sinh sản.

3. Định mức:

a) Liều tinh: 02 cọng tinh/1 bò phối/năm.

b) Nitơ lỏng: 02 lít/1 bò phối/năm.

c) Súng bắn tinh: 01 cái/dẫn tinh viên, thời gian sử dụng 5 năm.

d) Gang tay: 02 đôi/1 bò phối/năm.

e) Ống gel: 02 ống/1 bò phối/năm.

4. Đơn giá các loại vật tư nêu trên: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

**Điều 4.** Hỗ trợ mua trâu, bò, lợn đực giống; gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Trâu, Bò đực giống:

a) Loại giống:

- Trâu đực giống: Sử dụng giống trâu nội.

- Bò đực giống: Sử dụng các giống bò ngoại và bò lai có trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống cho các hộ chăn nuôi ở các xã thuộc vùng II hoặc III; mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên hoặc 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một con trâu hoặc một con bò đực giống.

2. Lợn đực giống:

a) Loại giống: Các giống lợn ngoại có trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con lợn đực giống từ 6 tháng tuổi trở lên cho các hộ chăn nuôi ở các xã thuộc vùng II hoặc III; mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con lợn đực giống; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con lợn đực giống.

3. Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

a) Loại giống: Gà, vịt giống có trong Danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống, mức hỗ trợ không quá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng)/1 con; mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

**Điều 5.** Định mức hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

1. Công trình khí sinh học:

a) Chung loại: Công trình khí sinh học có thể tích chứa từ 4 m<sup>3</sup> trở lên được làm bằng nhựa composite hoặc xây gạch.

b) Đơn giá: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị xây công trình. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ.

2. Đệm lót sinh học đối với lợn và gia cầm (gà, vịt, ngan nuôi nhốt):

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị làm đệm lót sinh học. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

b) Đơn giá: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

**Điều 6.** Định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ tập huấn thụ tinh nhân tạo gia súc:

a) Số lượng người được hỗ trợ: Mỗi xã, phường, thị trấn chỉ được hỗ trợ 1 người/xã/năm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 1 lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc;

- Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/người (bao gồm: tiền ăn, ở của học viên, thuê hội trường, tiền giảng dạy, tiền mua tử cung gia súc, tiền thuê gia súc cái để thực hành, thực tập).

c) Đơn giá: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc:

a) Loại bình: Từ 1,0 đến 3,7 lít.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 1 lần đến 100% giá trị bình Nitơ cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

c) Đơn giá: Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền từng thời điểm.

**Điều 7.** Điều kiện hưởng hỗ trợ

1. Hỗ trợ phối giống nhân tạo hàng năm đối với lợn, trâu, bò:

Theo Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện:

a) Chăn nuôi dưới hoặc 10 con lợn nái; dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Sử dụng loại tinh theo yêu cầu của địa phương, có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hỗ trợ mua lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

Theo Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện:

a) Chăn nuôi các đối tượng lợn, trâu, bò đực giống để phối giống dịch vụ hoặc nuôi gà, vịt giống gắn với ấp nở cung cấp con giống; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Mua loại giống phù hợp yêu cầu của địa phương; có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lí lịch rõ ràng đối với lợn, trâu và bò hoặc phẩm cấp giống phù hợp đối với gà, vịt; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc lợn đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

3. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi:

Theo Điểm b Khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg hộ chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện:

a) Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con trâu, bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản và tương đương; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

b) Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

c) Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí để xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

4. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc:

a) Theo Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg người đi đào tạo, tập huấn kỹ thuật về phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 40 tuổi;

- Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

b) Theo Điểm b Khoản 2 Điều 4 của Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp nhận;
- Mua loại bình phù hợp quy định của địa phương và có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian không ít hơn 5 năm.

#### **Điều 8.** Nguyên tắc hỗ trợ

Các hộ gia đình chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc đáp ứng các điều kiện hỗ trợ áp dụng hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ về kinh phí liệu tinh lợn và kinh phí vật tư phối giống nhân tạo bò cho các hộ chăn nuôi thông qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi theo quy định hiện hành, được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và giao kế hoạch. Kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở được căn cứ đơn giá liệu tinh, vật tư theo định mức của tỉnh nhân với số thực tế cung cấp cho các hộ chăn nuôi trong kế hoạch số lượng được giao hàng năm.

2. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã mua lợn, trâu, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; có hóa đơn tài chính theo quy định.

3. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây dựng xong công trình khí sinh học hoặc đã làm đệm lót sinh học.

4. Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.

5. Hỗ trợ trực tiếp cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc sau khi mua bình chứa Nitơ lỏng; có hóa đơn tài chính theo quy định.

6. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

#### **Điều 9.** Cơ chế tài chính

##### 1. Kinh phí thực hiện

a) Ngân sách tỉnh: Cấp cho các huyện, thành phố, thị xã theo kế hoạch hỗ trợ hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh.

b) Kinh phí từ các chương trình, dự án Trung ương và địa phương; của các tổ chức kinh tế xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế khác được sử dụng theo Khoản 6 Điều 8 của Quy định này.

2. Thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ: Theo quy định hiện hành.

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10.** Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

## 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ban hành trước tháng 8 của năm trước liền kề.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định và công bố danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp liệu tinh, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng cho người chăn nuôi tại địa phương chủ động lựa chọn.

c) Hướng dẫn tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh, con giống, quy trình kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý môi trường.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất liên quan đến nội dung hỗ trợ tại Quy định này; hàng năm kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Căn cứ vào nguồn kinh phí được hỗ trợ hàng năm, thẩm định kế hoạch hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

f) Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành triển khai thực hiện Quy định này.

## 2. Sở Tài chính:

Hàng năm căn cứ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ cho địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả; hướng dẫn cơ chế tài chính và thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

## 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất liên quan đến nội dung hỗ trợ tại Quy định này.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Hàng năm, cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách cho năm sau chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra (đến từng thôn, bản) làm căn cứ lập kế hoạch hỗ trợ kinh phí để tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

b) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hàng năm; nghiệm thu, thanh lý các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo quy định.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quy định này để các đối tượng hưởng chính sách biết và thực hiện.

e) Tổ chức thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, quản lý cấp phát kinh phí, công khai danh sách các đối tượng được hưởng đến từng thôn, bản, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương.

**5. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi:**

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh an toàn dịch bệnh, vận hành hầm Biogas, sử dụng đệm lót sinh học bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với lợn, 48 tháng đối với trâu, bò và 12 tháng đối với gia cầm sinh sản; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

c) Không sử dụng con đực lợn, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

d) Thực hiện đầy đủ các quy định và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hưởng chính sách hỗ trợ.

**Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lò Văn Tiến**